

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGÔ QUYỀN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 12-8-2021  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Đức Dũng

Ông Nguyễn Văn Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị L; nơi cư trú: Đường T, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Đỗ Mạnh H; nơi cư trú: Đường T, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22 tháng 4 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 11 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình

chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, anh H nghiện ma túy nhiều năm không cai được, vợ chồng không có con chung và không còn lòng tin với nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng thực tế đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về việc nuôi con: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Mạnh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Mạnh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Đỗ Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai, bị đơn anh Đỗ Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Mạnh H và chị Đỗ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày ngày 24 tháng 11 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng nhau về tình cảm. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

Về việc nuôi con: Anh Đỗ Mạnh H và chị Đỗ Thị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Anh Đỗ Mạnh H và chị Đỗ Thị L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Đỗ Mạnh H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, quan điểm của anh là đồng ý toàn bộ yêu cầu của chị L và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đỗ Thị L và bị đơn anh Đỗ Mạnh H vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị L thể hiện quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H; anh H thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Đỗ Mạnh H. Về con chung, chị L và anh H không có con chung nên không xem xét giải quyết. Về việc chia tài sản, chị L và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Chị Đỗ Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[2] Nguyên đơn chị Đỗ Thị L và bị đơn anh Đỗ Mạnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị L và anh H qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án, anh H thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn nhưng chị L và anh H đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[4] Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Mạnh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Mạnh H không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Đỗ Mạnh H.

2. Về việc nuôi con: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Mạnh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Mạnh H không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006973 ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị L, bị đơn anh Đỗ Mạnh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lương Khánh Thiện (nay là phường Cầu Đất), quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 24/11/2009);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hảo**